

Say the following sentences:

1. píng guǒ duō shǎo qián
苹果多少钱?

2. xiāng jiāo duō shǎo qián
香蕉多少钱?

3. wǒ yào cǎo méi
我要草莓。

4. mā ma yào xī guā
妈妈要西瓜。

yummy!



Match the meaning:

píng guǒ duō shǎo qián
苹果多少钱?

Dad wants watermelon.

wǒ yào chéng
我要橙。

I want orange.

bà ba yào xī guā
爸爸要西瓜。

How much for apple?

píng guǒ wǔ kuài
苹果五块。

Apple for \$5.